ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1033/KH-UBND	*An Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng, xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp và phân công cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

a) Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện Kế hoạch này phải đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chuyển đổi số.

c) Các nhiệm vụ, mục tiêu, đầu tư dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lắp, chồng chéo giữa các cơ quan, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đẩy nhanh thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Phấn đấu đến năm 2025, An Giang thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phát triển kinh tế số đạt 10% GRDP; tập trung chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, thế mạnh của Tỉnh về nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch…; nâng cao hoạt động hiệu quả quản lý, điều hành các cơ quan đảng,

nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đời sống vật chất tinh thần của người dân.

c) Phấn đấu đến năm 2030, An Giang thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số; phấn đấu kinh tế số đạt 20% GRDP.

d) Triển khai chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030[1] và Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030[2].

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Về chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình.

- 60% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 80% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh; đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng.

- 100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Về kinh tế số

- Phấn đấu kinh tế số đạt 10% GRDP.

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 10%.

- 100% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt trên sàn thương mại điện tử.

- 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- Trên 60% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

---

[1] Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030.

[2] Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.

- Có ít nhất 5 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 80% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.

c) Về xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 90% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

2.2. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

a) Về chính quyền số

- Hoàn thiện cơ bản việc xây dựng chính quyền số; cơ quan nhà nước chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu thực.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 100% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- 100% hồ sơ công việc tại cơ quan đảng, nhà nước cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

b) Về kinh tế số

- Phấn đấu kinh tế số đạt 20% GRDP.

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 20%.

- 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.

c) Về xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- 80% dân số, 100% doanh nghiệp có tài khoản giao dịch thương mại điện tử, thanh toán điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ sau 5G.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%.

Chi tiết bản phân công cơ quan phụ trách các chỉ tiêu tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch này.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Chi tiết bảng phân công nhiệm vụ và giải pháp tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động sử dụng nguồn kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí giao dự toán hằng năm, bố trí tại các dự án, đề án, chương trình đã được phê duyệt, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và huy động từ nguồn xã hội hóa để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; đồng thời, chịu trác nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí thực hiện 26.809 triệu đồng:

Ngân sách tỉnh: 26.809 triệu đồng trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 8.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư: 18.809 triệu đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh:

Chủ trì, điều hành, đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này.

2. Các sở, ban ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan:

- Căn cứ chức năng, thẩm quyền và chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này thực hiện xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU và Kế hoạch này, phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó xác định các nội dung nhiệm vụ cụ thể để phấn đấu đạt các chỉ tiêu đề ra thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, lãnh đạo các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao, đảm bảo đúng tiến độ, đạt hiệu quả.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý về ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong phát triển của từng ngành, lĩnh vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Kế hoạch này, lựa chọn khâu đột phá, lĩnh vực ưu tiên thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương mình, để đề xuất danh mục dự án đầu tư; kinh phí chi thường xuyên, nhằm triển khai thành công các mục tiêu đề ra.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và các Bộ, Ngành Trung ương theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai hàng năm.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề xuất của các sở, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp rà soát, tổng hợp danh mục các dự án (vốn đầu tư, vốn sự nghiệp) thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo phù hợp, thực hiện mục tiêu đề ra, tham mưu Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất tiến độ thực hiện Kế hoạch này; kịp thời đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết, bảo đảm việc thực hiện thành công Kế hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, cân đối đề xuất cấp thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư theo khả năng cân đối vốn và quy định của Luật Đầu tư công để triển khai thực hiện.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán hằng năm của các sở, ngành tỉnh, theo khả năng cân đối ngân sách thực hiện tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

6. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số của tỉnh. Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu về chuyển đổi số của từng ngành, lĩnh vực

7. Đối với các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội:

Nghiên cứu tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước